

			ngày 28/4/2021) 5. Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 115/TTr-TPHN ngày 28/04/2021 về việc sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị lần thứ 06 và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành 6. Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 116/TTr-TPHN ngày 28/04/2021 về việc phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ 2020 7. Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 117/TTr-TPHN ngày 28/04/2021 về dự kiến phương án chia cổ tức năm 2021 8. Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 118/TTr-TPHN ngày 28/04/2021 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021. 9. Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 119/TTr-TPHN 28/04/2021 về quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2021 10. Thông qua toàn văn nội dung Tờ trình số 120/TTr-TPHN ngày 28/04/2021 về việc tái bầu cử 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 05 năm tiếp theo (2021-2026). 11. Thông qua đơn từ nhiệm và toàn văn nội dung Tờ trình số 121/TTr-TPHN ngày 28/04/2021 về việc thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên BKS và bầu bổ sung 02 thành viên BKS 12. Thông qua kết quả tái bầu lại 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 05 năm tiếp theo 2021-2026. Danh sách tái trúng cử: <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th><th>Họ tên</th><th>Số phiếu bầu</th><th>Tỷ lệ %</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Lê Thị Lan Anh</td><td>29.001.521</td><td>99.99</td></tr> </tbody> </table> 13. Thông qua kết quả bầu bổ sung 02 thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026. Danh sách trúng cử: <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th><th>Họ tên</th><th>Số phiếu bầu</th><th>Tỷ lệ %</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Lê Mai Dịu</td><td>29.002.522</td><td>99.99</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Lại Thị Lỡi</td><td>29.008.548</td><td>100</td></tr> </tbody> </table>	TT	Họ tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %	1	Lê Thị Lan Anh	29.001.521	99.99	TT	Họ tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %	1	Lê Mai Dịu	29.002.522	99.99	2	Lại Thị Lỡi	29.008.548	100
TT	Họ tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %																				
1	Lê Thị Lan Anh	29.001.521	99.99																				
TT	Họ tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %																				
1	Lê Mai Dịu	29.002.522	99.99																				
2	Lại Thị Lỡi	29.008.548	100																				
2	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 195/QĐ-TPHN	30/6/2021	Ban hành Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 06 Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị																				

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
01	Trịnh Trung Hiếu	Chủ tịch HĐQT	01/7/2017 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 ngày 01/7/2017	
02	Lê Thị Lan Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	30/6/2021 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Bà Lê Thị Lan Anh được ĐHCĐ tái bầu cử thành viên HĐQT 05 năm tiếp theo 2021-2026.	
03	Bùi Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	27/2/2018 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018 ngày 27/2/2018	
04	Lê Việt Anh	Thành viên HĐQT	27/2/2018 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018 ngày 27/2/2018	
05	Nguyễn Thái Dương	Thành viên HĐQT	22/5/2019 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 ngày 22/5/2019	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Trịnh Trung Hiếu	17	100%	
2	Lê Thị Lan Anh	17	100%	
3	Bùi Tuấn Anh	17	100%	
4	Lê Việt Anh	17	100%	
5	Nguyễn Thái Dương	17	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai và thực hiện tốt các nghị quyết của HĐQT.
- Tuân thủ các quy chế nội bộ và pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện tốt công tác lao động tiền lương, bố trí sắp xếp lao động hợp lý thúc đẩy việc SXKD trong Công ty.
- Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong 6 tháng đầu năm 2021.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc bổ nhiệm	01/01/2021	Bổ nhiệm vị trí Giám đốc sản xuất Chi nhánh Hữu Nghị Miền Nam đối với Ông Trần Xuân Hoan Ông Nguyễn Văn Hải- Tp phát triển hệ thống Chi nhánh Hữu Nghị Miền Nam và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy-GĐ nhân sự Chi nhánh Hữu Nghị Miền Nam	100%
2	Nghị quyết HĐQT số 06a/NQ-TPHN	13/1/2021	Điều chỉnh phạm vi công việc đối với Ông Lê Bảo Long- Giám đốc dự án OEM	100%
3	Biên bản HĐQT ngày 23/1/2021	23/1/2021	Bổ nhiệm Ông Trần Xuân Hoan- GĐ sản xuất Chi nhánh Miền Nam Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Bích Thủy-GĐ nhân sự Chi nhánh Miền Nam Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Hải- Tp phát triển hệ thống và TP tiếp thị thương mại Chi nhánh Miền Nam	100%
4	Nghị quyết HĐQT ngày 27/1/2021	27/1/2021	Chấp thuận khoản vay NH TNHH MTV Hong Leong VN	100%
5	Nghị quyết HĐQT số 31/NQ-TPHN	02/02/2021	Thông qua Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu giữa bên chuyển nhượng là Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha và bên nhận chuyển nhượng là công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị	100%
6	Nghị quyết HĐQT số 47/NQ-TPHN	04/3/2021	Thông qua giao dịch Hợp đồng giữa công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị (bên mua) với Công ty cổ phần Bao bì Đông Nam Á (bên bán) về việc mua tài sản thanh lý với tổng giá trị giao dịch là 49.390.000đ	100%
7	Nghị quyết HĐQT số 56/HĐQT-TPHN	18/3/2021	Triển khai phương án mua lại trái phiếu HNF_Bond 2018 (trước hạn lần 1)	100%
8	BB hợp	19/3/2021	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng	100%

239-
TY
AN
MIAM
GH
TP. HA

	HĐQT số 62a/BB-TPHN		TM TNHH MTV Đại Dương CN Thăng Long.	
9	Nghị quyết HĐQT số 79/HĐQT-TPHN	02/4/2021	Triển khai phương án mua lại trái phiếu HNF_Bond 2018 (trước hạn lần 2)	100%
10	Nghị quyết HĐQT số 97/HĐQT-TPHN	12/4/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và chốt ngày Đăng ký cuối cùng.	100%
11	Nghị quyết HĐQT số 132/HĐQT-TPHN	04/5/2021	Thông qua toàn văn hồ sơ trình ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
12	Nghị quyết HĐQT số 134/HĐQT-TPHN	07/5/2021	Triển khai phương án mua lại trái phiếu HNF_Bond 2018 (trước hạn lần 3)	100%
13	Nghị quyết HĐQT số 140/HĐQT-TPHN	18/5/2021	Thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị và Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha	100%
14	Nghị quyết HĐQT số 143/HĐQT-TPHN	18/5/2021	Thông qua việc chấp nhận ký Hợp đồng về việc bảo đảm tài sản giữa Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị (bên được bảo đảm) với Công ty cổ phần DNA Holding (bên bảo đảm)	100%
15	Nghị quyết HĐQT số 148/HĐQT-TPHN	19/5/2021	Tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên do yêu cầu hạn chế hội họp để đảm bảo phòng chống dịch bệnh Covid và Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định thời gian phù hợp.s	100%
16	Nghị quyết HĐQT số 150/NQ-TPHN	19/5/2021	Điều chỉnh loại chứng khoán hạn chế chuyển nhượng sang chứng khoán tự do chuyển nhượng	100%
17	Biên bản họp HĐQT số 153/BB-TPHN	21/5/2021	Thông qua Phương án phát hành trái phiếu 2021	100%

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt No.	Thành viên BKS Members of Board of Supervisors	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors	Trình độ chuyên môn Qualification
1	Nguyễn Thành Công	Thành viên	Ngày không còn là thành viên BKS 30/6/2021 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/6/2021	Kế toán
2	Đoàn Quang Cảnh	Thành viên	Ngày không còn là thành viên BKS 30/6/2021 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/6/2021	Kế toán
3	Thái Anh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	Ngày bắt đầu 29/8/2020 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2020 ngày 29/8/2020	Kế toán
4	Lê Mai Dịu	Thành viên	Ngày bắt đầu 30/6/2021 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/6/2021	Kế toán
5	Lại Thị Lỗi	Thành viên	Ngày bắt đầu 30/6/2021 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/6/2021	Kế toán

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán Members of Board of Supervisors/ Audit Committee	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Thái Anh Tuấn	1	100%	100%	
2	Nguyễn Thành Công	1	100%	100%	
3	Đoàn Quang Cảnh	1	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:

- Ngày 30/6/2021, Đại hội đồng cổ đông đã thực hiện việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban kiểm soát, bầu bổ sung 02 thành viên mới vào Ban kiểm soát.
- Ngày 30/6/2021, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động kiểm soát và các nội dung liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị theo đúng quy định của pháp luật.
- Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện 01 kỳ họp và thực hiện chức năng kiểm tra kiểm soát theo đúng quy định của Điều lệ.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers*:

Việc phối hợp không bị cản trở và thực hiện nghiêm túc, khách quan theo đúng chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật.

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any)*:

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i>
01	Vũ Ba Lê- Phó Tổng giám đốc nội chính	25/10/1978	Tài chính ngân hàng	Ngày bổ nhiệm 11/02/2020
02	Lê Việt Anh- Phó Tổng giám đốc kinh doanh	29/6/1984	Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm 12/05/2020
03	Tạ Nguyên Hải – Phó Tổng giám đốc chuỗi cung ứng.	01/3/1979	Công nghệ thực phẩm	Ngày bổ nhiệm 02/01/2020

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Đoàn Thùy Dương	03/07/1985	Kế toán	Ngày bổ nhiệm 01/10/2020

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance*:

Năm 2021, Hữu Nghị Food đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo về quản trị công ty và các nghiệp vụ chuyên môn. Sáu tháng đầu năm 2021, Công ty đã thực hiện các khóa đào tạo như sau:

STT	Hạng mục	Hội nhập & Phát triển kế nhiệm	Nghiệp vụ kinh doanh	Nghiệp vụ sản xuất	Tổng
1	Khóa đào tạo	30	24	45	99
2	Lượt học viên	819	430	991	2.240
3	Số giờ đào tạo	332	113	102	547

Trong đó:

- 02 thành viên Ban Tổng Giám đốc và 06 Giám đốc kinh doanh được đào tạo nâng cao năng lực quản trị, tham gia các khóa nghiệp vụ CEO chuyên nghiệp;
- 35 Giám đốc, Trưởng phó các đơn vị được đào tạo nâng cao năng lực quản trị cấp trung, quản trị sản xuất toàn diện và phát triển đội ngũ;
- 50 Giám đốc bán hàng, Giám sát bán hàng được đào tạo về quản trị kênh phân phối, xây dựng kế hoạch và quản trị hoạt động bán hàng trên tuyến, quản trị bán hàng bằng phần mềm DMS 2.0

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
1	Công ty cổ phần DNA Holding		Công ty mẹ	Mã số doanh nghiệp số 2301054242 do Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp 10/10/2018	KCN Yên Phong mở rộng, Xã Yên Trung, Yên Phong, Bắc Ninh				Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021
2	Công ty Cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á (DNA Food)		Người liên quan	Mã số doanh nghiệp 2300888044 cấp 15/5/2015	Lô H1 - 6 cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, Xã Đông Thọ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh				Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021
3	Công ty cổ phần quốc tế Bamboo (Bamboo)		Người liên quan	Mã số doanh nghiệp 0801175749 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/01/2016	TL0755 The Harmony, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.				Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021
4			Người liên quan	Mã số doanh nghiệp: 0107511776	Lô E15, E16, E17 cụm đa				Theo Điều 4 khoản 46

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
	Công ty cổ phần bao bì Đông Nam Á (DNA pack)			do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 20/7/2016	nghe Đồng Thọ, xã Đồng Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.				Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021
5	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế ALPHA (Alpha food)		Người liên quan	Mã số doanh nghiệp: 230614653 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2010	Lô E13 và E14 cụm đa nghề Đồng Thọ, xã Đồng Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam				Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Trịnh Trung Hiếu		Chủ tịch HĐQT	012214652 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/07/2008	Số 3 ngõ 126 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ,	0	0%	

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
					Thành phố Hà Nội			
1.1	Trịnh Đa			Đã mất		0	0%	Cha đẻ
1.2	Bùi Thị Thi			1942		0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Thị Hải Lan			1981		0	0%	Vợ
1.4	Trịnh Minh Nguyệt			2004		0	0%	Con
1.5	Trịnh Tuấn Minh			2006		0	0%	Con
1.6	Trịnh Minh Anh			2012		0	0%	Con
1.7	Trịnh Thị Đào			1961		0	0%	Chị gái
1.8	Trịnh Văn Quy			1966		0	0%	Anh trai
1.9	Trịnh Văn Phụng			1971		75.744	0,25% HNF	Anh trai
2	Lê Thị Lan Anh		Phó chủ tịch HĐQT	036178001641 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 31/05/2016	Số 9, Ngõ 27, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	0	0%	
2.1	Lê Hùng Việt			CMTND 162446677 công an tỉnh Nam Định cấp ngày 06/12/2011		0	0%	Bố đẻ

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.2	Trần Thị Trâm			B6130842 cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 21/12/2011		0	0%	Mẹ đẻ
2.3	Vũ Lâm Nhi			2000		0	0%	Con
2.4	Vũ Minh Anh			2006		0	0%	Con
2.5	Lê Việt Anh			1984		0	0%	Em trai
3	Nguyễn Thái Dương		Thành viên HĐQT	001092001203 do Cục cảnh sát cấp ngày 02/6/2016	Số 29 ngõ 154 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	3.089.409	10,30%	
3.1	Nguyễn Văn Thịnh			25/5/1961		0	0%	Cha đẻ
3.2	Trịnh Thị Đào			21/9/1962		0	0%	Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Thái Anh			19/12/1989		0	0%	Chị gái
3.4	Nguyễn Thị Lộc			08/6/1989		0	0%	Vợ
4	Bùi Tuấn Anh		Thành viên HĐQT	090881878 do CA Thái Nguyên cấp ngày 20/3/2001	Tổ Tân Xuân 1, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	
4.1	Bùi Chính Nghĩa			1952		0	0%	Cha đẻ

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.2	Trần Lệ Hà			1958		0	0%	Mẹ đẻ
4.3	Bùi Mỹ Hạnh			1998		0	0%	Em gái
4.4	Ôn Thị Mỹ Linh			1982		0	0%	Vợ
4.5	Bùi Đức Nam			2013		0	0%	Con đẻ
5	Lê Việt Anh		Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty	036084000222 do Cục đăng ký quản lý cư trú và DLQG dân cư cấp ngày 28/8/2014	Số 2003 ct2, chung cư Nàng Hương, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	0	0%	
5.1	Lê Hùng Việt			CMTND 162446677 công an tỉnh Nam Định cấp ngày 06/12/2011		0	0%	Cha đẻ
5.2	Trần Thị Trâm			B6130842 cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 21/12/2011		0	0%	Mẹ đẻ
5.3	Lê Minh			03/09/2014		0	0%	Con
5.4	Lê Thị Lan Anh			036178001641		0	0%	Chị gái
6	Vũ Ba Lê		Phó Tổng giám đốc	013093674 do Công an Hà nội cấp ngày 12/06/2008	P0804 Tòa B Khu Imperia Garden, số 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường	0	0%	

238
TỶ
CÂN
HÀM
GHI
-TP.H

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentag e of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
					Thanh xuân trung, Quận Thanh xuân, Hà nội			
6.1	Vũ Văn Nho			SN 1945		0	0%	Cha đẻ
6.2	Nguyễn Thị Sồi			SN 1944		0	0%	Mẹ đẻ
6.3	Lê Thị Phương			SN 1983		0	0%	Vợ
6.4	Vũ Phương Anh			SN 2008		0	0%	Con
6.5	Vũ Bảo Ngân			SN 2012		0	0%	Con
6.6	Vũ Hải Dương			SN 1970		0	0%	Anh trai
6.7	Vũ Văn Khánh			SN 1972		0	0%	Anh trai
7	Tạ Nguyên Hải		Phó Tổng giám đốc	013276525 do Công an Hà Nội cấp ngày 27/03/2010.	Tổ 26 Phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	0	0%	
7.1	Tạ Nguyên Thanh			1949		0	0%	Cha đẻ
7.2	Hoàng Thị Lý			1953		0	0%	Mẹ đẻ
7.3	Trần Thị Tuyết			1983		0	0%	Vợ
7.4	Tạ Trần Gia Huy			2007		0	0%	Con
7.5	Tạ Trần Gia Phúc			2011		0	0%	Con
7.6	Tạ Thị			1981		0	0%	Em gái

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentag e of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Hàng							
8	Thái Anh Tuấn		Trưởng ban kiểm soát	011934342, Ngày cấp: 04/07/2013, Nơi cấp: CA Hà Nội	30 ngách 49 ngõ Thái Thịnh 2, Thái Thịnh, Đông Đa, Hà Nội	0	0%	
8.1	Trần Thị Tuyệt Mai			00118100253 3 cấp ngày 02/07/2014 tại Hà Nội		0	0%	Vợ
8.2	Thái Văn Đạo					0	0%	Bố
8.3	Trịnh Thị Thanh			03815300199 6 cấp ngày 17/11/2017 tại Hà Nội		0	0%	Mẹ
8.4	Thái Lan Anh			012099245 cấp ngày 16/01/2014		1.771.20 0	5,90%	Em gái
9	Đoàn Quang Cảnh		Thành viên BKS (đến 30/6/2021)	142590716 Ngày cấp: 18/07/2007 Nơi cấp: CA Hải Dương	Bình Xuyên, Bình Giang, Hải Dương	0	0%	
9.1	Đoàn Quang Mậm					0	0%	Bố đẻ
9.2	Hồ Thị Thuận					0	0%	Mẹ đẻ
9.3	Đoàn Quang Định					0	0%	Em trai
10	Nguyễn Thành Công		Thành viên BKS (đến 30/6/2021)	174362123 Ngày cấp: 28/07/2011 Nơi cấp: CA Thanh Hóa	Xã Hà Toại, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh	0	0%	

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentag e of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
					Hóa			
10.1	Nguyễn Văn Sơn			CCCD: 038069000194, Ngày cấp: 10/03/2016, Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư		0	0%	Bố
10.2	Nguyễn Thị Bình			CMT: 173313738, Ngày cấp: 25/08/2009, Nơi cấp: CA Thanh Hóa		0	0%	Mẹ
10.3	Nguyễn Hồng Khanh			CMT: 173311942, Ngày cấp: 29/10/2014, Nơi cấp: CA Thanh Hóa		0	0%	Anh Trai
11	Đoàn Thùy Dương		Kế toán trưởng	019185000077 Cục CS cấp 29/04/2014	K2 KTT Thành Công, Ba Đình, HN	0	0%	
11.1	Nguyễn Xuân Khánh			164209396		0	0%	Chồng
11.2	Nguyễn Ngọc Minh			0		0	0%	Con
12	Lê Mai Dị			013529863 Ngày cấp: 28/04/2012 Nơi cấp: CA Hà Nội		3.492.000	11,64%	
12.1	Lê Ngọc Tăng						0	Bố đẻ
12.2	Phạm Thị Xuyen						0	Mẹ đẻ
12.3	Lê Minh Đạo						0	Em trai
12.4	Trần						0	Chồng

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Phạm Nhật Hoàng Vân							
13	Lại Thị Lỗi		Thành viên BKS	038183007770 Ngày cấp: 19/06/2017 Nơi cấp: Cục QLDC		14.050 cổ phiếu	0.046%	
13.1	Lại Thế Nho						0	Bố đẻ
13.2	Nguyễn Thị Lài						0	Mẹ đẻ
13.3	Lại Thế Lược						0	Em trai
13.4	Lại Thị Liên						0	Em gái
13.5	Đình Văn Bình						0	Chồng

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.* date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
---------	---	---	--	---	---	--	---	--------------

						any, specifying date of issue)		
1	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha	Người liên quan	Mã số doanh nghiệp: 230614653 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2010	Lô E13 và E14 cụm đa nghề Đông Thọ, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	02/02/2021	Nghị quyết HĐQT số 31/NQ-TPHN 02/02/2021	Thông qua Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu giữa bên chuyển nhượng là Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha và bên nhận chuyển nhượng là công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị	
2	Công ty cổ phần Bao bì Đông Nam Á	Người liên quan	Mã số doanh nghiệp: 0107511776 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 20/7/2016	Lô E15, E16, E17 cụm đa nghề Đông Thọ, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.	04/3/2021	Nghị quyết HĐQT số 47/NQ-TPHN 04/3/2021	Thông qua giao dịch Hợp đồng giữa công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị (bên mua) với Công ty cổ phần Bao bì Đông Nam Á (bên bán) về việc mua tài sản thanh lý với tổng giá trị giao dịch là 49.390.000đ	
3	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha	Người liên quan	Mã số doanh nghiệp: 230614653 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2010	Lô E13 và E14 cụm đa nghề Đông Thọ, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	18/5/2021	Nghị quyết HĐQT số 140/HĐQT-TPHN 18/5/2021	Thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị và Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế Alpha	
4	Công ty cổ phần DNA Holding	Người liên quan	Mã số doanh nghiệp số 2301054242 do Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp	KCN Yên Phong mở rộng, Xã Yên Trung, Yên Phong, Bắc Ninh	18/5/2021	Nghị quyết HĐQT số 143/HĐQT-TPHN 18/5/2021	Thông qua việc chấp nhận ký Hợp đồng về việc bảo đảm tài sản giữa Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị (bên được bảo đảm) với	

			10/10/2018				Công ty cổ phần DNA Holding (bên bảo đảm)	
--	--	--	------------	--	--	--	---	--

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Stt No	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Position at the listed Company</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of Issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	Không								

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*
(mục VII Báo cáo).

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
	Không						

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Không.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu VP.HĐQT

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trịnh Trung Hiếu